TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17 /TB-CTSV

Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc kết quả xét học bổng "Lương Định Của", năm học 2021 - 2022

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Theo Công văn số 08/HKH-HBLĐC, ngày 14/01/2022 của Hội khuyến học tỉnh Sóc Trăng về kết quả xét cấp học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2021 đối với học sinh, sinh viên quê hương Sóc Trăng, trong đó có sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Danh sách sinh viên được nhận học bổng:

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
1	B1904516	Nguyễn Ngọc Phương Loan	Công nghệ sinh học - K45	Viện SH
2	B1805522	La Kiều Hân	Vi sinh vật học - K44	
3	B1809218	Lê Hồng Châu	Công nghệ thông tin - K44	CNTT & TT
4	B1809433	Hầu Diễm Xuân	Công nghệ thông tin - K44	
5	B2110053	Dương Thị Huỳnh Như	Hệ thống thông tin - K47	
6	B1906636	Dương Nhật Duy	Kỹ thuật phần mềm - K45	
7	B1808346	Thạch Vương Tín	Ngôn ngữ Anh - K44	Ngoại ngữ
8	B1909004	Vũ Thị Mỹ Tiên	Ngôn ngữ Anh - K45	
9	B2100509	Đỗ Nhựt Duy	Sư phạm Tiếng Anh - K47	
10	B2100531	Danh Hoàng Bảo Duy	Sư phạm Tiếng Anh - K47	
11	B1809558	Trịnh Khánh Duy	Công nghệ thông tin - K44	PTNT
12	B1812799	Lê Văn Khang	Công nghệ thông tin - K44	
13	B1811293	Hồ Huỳnh Đức	Hướng dẫn viên du lịch - K44	
14	B1912301	Tăng Thị Mỹ Ngân	Hướng dẫn viên du lịch - K45	
15	B2112662	Lê Thị Ngân	Hướng dẫn viên du lịch - K47	
16	B1812764	Nguyễn Châu Quốc An	Khuyến nông - K44	
17	B2013350	Trần Dạ Hương	Kỹ thuật xây dựng - K46	
18	B1808590	Huỳnh Hoàng Lan Anh	Ngôn ngữ Anh - K44	
19	B1808610	Kim Hoàng Kim	Ngôn ngữ Anh - K44	
20	B1902121	Huỳnh Phương Như	Quản trị kinh doanh - K45	
21	B1902184	Ngô Hiếu Ngân	Quản trị kinh doanh - K45	
22	B2101386	Nguyễn Thị Diễm My	Quản trị kinh doanh - K47	
23	B2108317	Nguyễn Thị Thúy An	Quản trị kinh doanh - K47	
24	B2014316	Trương Thị Tuyết Nhi	Kiểm toán - K46	Kinh tế
25	B2015469	Lưu Thị Bảo Trân	Kinh doanh quốc tế - K46	
26	B2112354	Nguyễn Văn Thông	Kinh doanh quốc tế - K47	
27	B1810119	Lục Hồng Nhi Tâm	Kinh tế - K44	
28	B1802088	Ngô Diệp Phương Trang	Kinh tế nông nghiệp - K44	
29	B1903287	Ngô Mẫn Nghi	Marketing - K45	
30	B1903344	Lý Kim Nguyên	Marketing - K45	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
31	B1903353	Trần Thị Tiểu Thanh	Marketing - K45	
32	B2010071	Vũ Ngọc Khánh Ngân	Marketing - K46	
33	B2101833	Huỳnh Thị Phương Thi	Marketing - K47	
34	B2108908	Nguyễn Thị Mai Thảo	Marketing - K47	
35	B1810298	Âu Dương Ngọc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K44	
36	B1911239	Thạch Thị Kiều Oanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K45	
37	B2006092	Trần Thị Mỹ Duyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K46	
38	B2015290	Nguyễn Thị Tường Duy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K46	
39	B1801627	Nguyễn Thị Kim Ngân	Quản trị kinh doanh - K44	
40	B1901922	Lưu Hồng Ngọc	Quản trị kinh doanh - K45	
41	B2001518	Võ Thị Thanh Ngân	Quản trị kinh doanh - K46	
42	B1801454	Võ Đặng Uyển Nhi	Tài chính - Ngân hàng - K44	
43	B1902977	Võ Thị Cẩm Giang	Luật thương mại - K45	Luật
44	B1902988	Lê Thị Như Huỳnh	Luật thương mại - K45	
45	B1902974	Nguyễn Thành Đạt	Luật tư pháp - K45	
46	B1800177	Lý Thị Thu Trang	Chính trị học - K44	KHCT
47	B1809956	Lại Thị Thảo Quyên	Chính trị học - K44	
48	B1912508	Sơn Ke Col Ly Dal	Giáo dục công dân - K45	
49	B1908482	Nguyễn Tiểu Bằng	Triết học - K45	
50	B1803004	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa học môi trường - K44	MT & TNTN
51	B1803700	Trần Thị Ngọc Huyền	Kỹ thuật môi trường - K44	
52	B1902665	Lê Quang Huy	Quản lý đất đai - K45	
53	B1902693	Nguyễn Thị Yến Nhi	Quản lý đất đai - K45	
54	B1902726	Huỳnh Quốc Vinh	Quản lý đất đai - K45	
55	B2106347	Ngô Nhật Tân	Quản lý tài nguyên và môi trường - K47	
56	B2103714	Đặng Thị Bích Ngọc	Chăn nuôi - K47	Nông nghiệp
57	B1908731	Trương Minh Liền	Công nghệ sau thu hoạch - K45	
58	B1800526	Thạch Minh Pháp	Công nghệ thực phẩm - K44	
59	B1900405	Quách Thị Vân Anh	Công nghệ thực phẩm - K45	
60	B1900508	Trần Phương Nga	Công nghệ thực phẩm - K45	
61	B1900584	Thạch Lý Ngọc Thanh	Công nghệ thực phẩm - K45	
62	B1900659	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Công nghệ thực phẩm - K45	
63	B2000738	Hứa Phụng Anh	Công nghệ thực phẩm - K46	
64	B2107434	Thạch Phương Anh	Công nghệ thực phẩm - K47	
65	B1811779	Nguyễn Thị Lệ Thu	Khoa học cây trồng - K44	
66	B1801104	Phạm Văn An	Nông học - K44	
67	B1801160	Phạm Linh Chi	Nông học - K44	
68	B2101190	Quách Hoàng Tâm	Nông học - K47	
69	B1809773	Nguyễn Vĩ Khang	Sinh học Ứng dụng - K44	
70	B1804192	Nguyễn Chí Dũng	Thú y - K44	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
71	B2010977	Huỳnh Hoàng Khá	Thú y - K46	
72	B2008087	Phan Thanh Phường	Sư phạm Hóa học - K46	Sư phạm
73	B1801067	Huỳnh Thị Hoài Tâm	Sư phạm Ngữ văn - K44	
74	B2100413	Nguyễn Trần Diễm Ý	Sư phạm Ngữ văn - K47	
75	B2100225	Cao Lê Nhật Anh	Sư phạm Sinh học - K47	
76	B2002404	Lê Thị Mỹ Tiên	Cơ khí ô tô - K46	Công nghệ
77	B1808987	Phan Thị Thanh Trúc	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K44	
78	B1909740	Đặng Ngọc Quế Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học - K45	
79	B1806334	Võ Dương Anh Hào	Kỹ thuật cơ điện tử - K44	
80	B1812078	Phạm Ngọc Thanh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - K44	
81	B1913028	Mai Trọng Hữu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - K45	
82	B1812197	Văn Thị Tuyết Đông	Kỹ thuật máy tính - K44	
83	B2004291	Trần Thị Thu Nhân	Kỹ thuật vật liệu - K46	
84	B1807225	Nguyễn Hữu Bằng	Kỹ thuật xây dựng - K44	
85	B1807258	Nguyễn Chí Hiếu	Kỹ thuật xây dựng - K44	
86	B2004650	Lê Trần Tấn Phát	Kỹ thuật xây dựng - K46	
87	B2104531	Thạch Hoàng Bách	Kỹ thuật xây dựng - K47	
88	B1905904	Mã Thị Mai Đình	Quản lý công nghiệp - K45	
89	B1905931	Lê Nguyễn Yến Linh	Quản lý công nghiệp - K45	
90	B2003499	Nguyễn Quốc Cường	Quản lý công nghiệp - K46	
91	B2011627	Mai Thị Ngọc Hân	Quản lý công nghiệp - K46	
92	B2103156	Đặng Phương Nam	Quản lý công nghiệp - K47	
93	B1804801	Lê Nguyễn Công Thoại	Bệnh học thủy sản - K44	Thủy sản
94	B1804805	Đoàn Hữu Tiến	Bệnh học thủy sản - K44	
95	B1805083	Huỳnh Thị Thảo Trang	Công nghệ chế biến thủy sản - K44	
96	B2109704	Nguyễn Đinh Ái Phi	Công nghệ chế biến thủy sản - K47	
97	B1800679	Đặng Văn Danh	Nuôi trồng thủy sản - K44	
98	B1800808	Phạm Thị Kim Trăm	Nuôi trồng thủy sản - K44	
99	B1800824	Phan Thị Như Ý	Nuôi trồng thủy sản - K44	
100	B2001088	Nguyễn Thị Hằng Ny	Nuôi trồng thủy sản - K46	
101	B1811041	Lê Thanh Phú	Hướng dẫn viên du lịch - K44	KHXH & NV
102	B1811054	Nguyễn Quốc Thành	Hướng dẫn viên du lịch - K44	
103	B1811209	Nguyễn Thị Như Ý	Hướng dẫn viên du lịch - K44	
104	B2102895	Kim Ngọc Hân	Thông tin - Thư viện - K47	
105	B1810788	Mạch Tô Ngọc Hân	Văn học - K44	
106	B1810914	Châu Thị Ta Na	Văn học - K44	
107	B1911979	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Văn học - K45	
108	B1800035	Thạch Thị Thùy Dung	Xã hội học - K44	
109	B1807994	Thạch Hữu Nhân	Xã hội học - K44	
110	B2004985	Võ Thị Yến Thi	Xã hội học - K46	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Đơn vị
111	B2013742	Võ Thị Cẩm Ngọc	Xã hội học - K46	
112	B2013764	Nhan Ngọc Lan Vy	Xã hội học - K46	

Tổng số theo danh sách có **112** người.

2. Giá trị suất học bổng:

Mỗi suất học bổng trị giá **3.000.000** đồng *(Ba triệu đồng)*.

3. Tổ chức Lễ trao học bổng:

Hội khuyến học tỉnh Sóc Trăng tổ chức Lễ trao học bổng như sau:

- Thời gian: từ 13 giờ 00, ngày 27/01/2022 (Thứ Năm);

- Địa điểm: Trung tâm Văn hóa Hội nghị tỉnh Sóc Trăng. Số 04, đường Trần Phú, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Lưu ý: (1) Trường hợp sinh viên vắng mặt không rõ lý do, phần học bổng sẽ hoàn lại cho nhà tài trợ, không giải quyết các khiếu nại; (2) ăn mặc nghiêm túc, lịch sự; (3) mang theo THẺ SINH VIÊN và Giấy CMND/CCCD ;

Phòng Công tác Sinh viên xin thông tin đến Quý thủ trưởng các đơn vị được rõ.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Tường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: CTSV.